

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-PT

Ngày: 23 – 12 – 2022

V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Pho;

*Các Thẩm phán:* Bà Dương Thị Vân;

Ông Nguyễn Minh Thành;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:** Bà Chu Thị Sáu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLPT-**KDTM** ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 07/10/2022 của TAND huyện NH, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty cổ phần VA;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đ; Chức vụ: Giám đốc;  
Địa chỉ trụ sở: Số 43/24 đường B, khu phố C, thị trấn D, huyện D, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Văn C - Nhân viên kinh doanh; Địa chỉ: Số 57 đường D, tổ 5 phường PĐ, thành phố PK, tỉnh Gia Lai theo văn bản ủy quyền ngày 30/11/2022. (có mặt)

**- Bị đơn:** Bà Trịnh Thị N; Địa chỉ: Thôn K, xã PY, huyện NH, tỉnh Kon Tum. (có mặt)

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Lưu Văn V; Địa chỉ: 29/13 LD, thành phố PK, tỉnh gia Lai. (có mặt)
- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trịnh Thị N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

- **Nguyên đơn trình bày:** Công ty có thỏa thuận bán phân bón cho bà Trịnh Thị N là chủ đại lý HN. Khoảng tháng 5/2019, bà N lấy hàng của công ty từng đợt và thanh toán tiền cho công ty bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Ngày 22/5/2020 thì bà N lấy đơn hàng giá trị là 175.000.000đ, bà N đã trả 170.000.000đ còn nợ lại số tiền là 5.000.000đ (trừ đi 2.000.000đ tiền chênh lệch hóa đơn). Đến ngày 03/6/2020 bà N lấy tiếp số hàng như sau:

- NPK 17.7.17 x 10 tấn x 8.800đ/ kg = 88.000.000đ
- NPK 16.18.8 x 20 tấn x 8.700đ/ kg = 174.000.000đ
- Phân gà xử lý x 10 tấn x 2.350đ/kg = 23.500.000đ

Tổng là 285.500.000đ + 3.000.000đ = 288.500.000đ. Khi đòi bà N vẫn không trả tiền, theo quy định của công ty đến hết năm tổng kết mà không thanh toán tiền, thì công ty tính lãi suất là 1% của số tiền 288.500.000đ bắt đầu từ ngày 01/01/2021. Bà N đã thống nhất số tiền bà N nợ tính đến ngày 01/6/2022 là 314.060.000đ gồm cả gốc và lãi. Tại phiên tòa, công ty thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Tiền gốc tính như sau: 288.500.000đ - 10.000.000đ tiền chiết khấu của đợt mua hàng trước còn lại 278.500.000đ; tính số tiền lãi của số tiền gốc 278.500.000đ từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/12/2022 là 12 tháng:  $278.500.000đ \times 1\% \times 12 \text{ tháng} = 33.420.000đ$ , đến ngày 18/01/2022 bà N trả cho công ty 20.000.000đ nên công ty trừ vào số tiền gốc mà bà N đã mua phân:  $278.500.000đ - 20.000.000đ = 258.500.000đ$ , công ty tiếp tục tính lãi từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/10/2022 là:  $258.500.000đ \times 1\% \times 8 \text{ tháng (tính tròn 8 tháng)} = 20.680.000đ$ . Tổng cộng là 258.500.000đ (tiền gốc) + 54.100.000đ (tiền lãi) = 312.600.000đ.

- **Bị đơn trình bày:** Bà N thừa nhận có việc mua bán phân bón với nguyên đơn từ tháng 5 năm 2019. Tuy nhiên, ngày 03/6/2020 bà đặt hàng của công ty là 40 tấn nhưng khi giao hàng thì nhân viên chỉ giao hàng là 30 tấn, nên bà sửa lại 20 tấn thành 10 tấn, tổng cộng là 30 tấn, nhân viên có ghi giá tiền trên sổ là 30

tấn, nhưng khi tính tổng tiền thì tính 40 tấn, chênh lệch 87.000.000đ và công ty chưa trừ chiết khấu cho tôi là 7.000.000đ của đợt trả tiền đợt trước.

Khi nhân viên đến nhà hai lần đòi nợ, bà có ý kiến là trong sổ, số tiền có lệch nhau, nên nhân viên nói bà cứ ký vào giấy đòi nợ để có cơ sở làm việc với công ty, vì bà còn nợ tiền của công ty và cầm sổ của công ty, khi nào thanh toán tiền thì bỏ sổ gốc ra tính. Vì vậy, đề nghị công ty xem xét lại số hàng đã giao và chỉ đồng ý trả số tiền 171.500.000đ.

**Với nội dung vụ án như trên, tại bản án kinh doanh thương mại số 05/2022/KDTM-ST ngày 07/10/2022 của TAND huyện NH, tỉnh Kon Tum đã quyết định:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 24, 50, 171 Luật thương mại;

Áp dụng các Điều 117, 118, 119, Điều 280, Điều 430, 433, 434, 435 Điều 440; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Trịnh Thị N phải trả cho Công ty cổ phần VA số tiền nợ mua hàng tính đến ngày (07/10/2022) là 312.600.000đ (ba trăm mười hai triệu, sáu trăm N đồng), (trong đó 258.500.000đ là tiền gốc và 54.100.000đ là tiền lãi).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trịnh Thị N chậm trả tiền cho Công ty cổ phần VA thì bà N phải chịu lãi suất là 10%/năm/ số tiền gốc chậm trả.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự trong trường hợp bản án sơ thẩm được thi hành theo Luật thi hành án dân sự.

*\* Ngày 19/10/2022 bà Trịnh Thị N có đơn kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 07/10/2022 của TAND huyện NH, tỉnh Kon Tum, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số phân bón 10 tấn, giá trị 87.000.000 đồng mà cấp sơ thẩm buộc bà N phải trả và đề nghị không tính số tiền lãi suất cho bà.*

Tại phiên tòa, các bên đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Nguyên đơn đồng ý giảm cho bị đơn một nửa tiền lãi theo bản án sơ thẩm và chịu một phần án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp. Bị đơn đồng ý trả toàn bộ nợ gốc là 258.500.000 đồng và

50% tiền lãi theo bản án sơ thẩm; tiền án phí sơ thẩm còn lại và thỏa thuận lãi suất chậm thi hành án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Nguyên đơn đồng ý giảm cho bị đơn một nửa tiền lãi theo bản án sơ thẩm và chịu một phần án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, cụ thể: Giảm cho bị đơn 27.050.000 đồng tiền lãi và chịu một phần án phí tương ứng với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 7.851.000 đồng. Bị đơn đồng ý trả toàn bộ nợ gốc là 258.500.000 đồng và 50% tiền lãi theo bản án sơ thẩm; tiền án phí sơ thẩm còn lại sau khi trừ đi số tiền án phí nguyên đơn đã nhận chịu và thỏa thuận lãi suất chậm thi hành án.

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Về án phí sơ, phúc thẩm:

+ *Án phí sơ thẩm*: Công ty cổ phần VA phải chịu số tiền án phí là 7.851.000 đồng. Công ty cổ phần VA đã nộp đủ. Bà Trịnh Thị N phải chịu số tiền án phí còn lại là 6.426.500 đồng.

+ *Án phí phúc thẩm*: Bà Trịnh Thị N phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng. Bà Trịnh Thị N đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 07/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Kon Tum.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bà Trịnh Thị N trả cho Công ty cổ phần VA số tiền tính đến ngày 07/10/2022 là 285.550.000 đồng, (trong đó 258.500.000 đồng là tiền gốc và 27.050.000 đồng là tiền lãi).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trịnh Thị N chậm trả tiền cho Công ty cổ phần VA thì bà N phải chịu lãi suất là 10%/năm/số tiền gốc chậm trả.

- **Về án phí**: Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ *Án phí sơ thẩm*: Công ty cổ phần VA **chịu** 7.851.000 đồng (bảy triệu tám trăm năm mươi một N) **tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp** theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0002776 ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH, tỉnh Kon Tum. Công ty cổ phần VA đã nộp đủ.

Bà Trịnh Thị N phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm còn lại là 6.426.500 đồng (Sáu triệu bốn trăm hai mươi sáu N năm trăm đồng)

+ *Án phí phúc thẩm*: Bà Trịnh Thị N phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu) theo Biên lai thu số 0002880 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH, tỉnh Kon Tum. Bà Trịnh Thị N đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.***

*Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh KT;
- TAND huyện NH;
- CC THADS huyện NH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)  
**Nguyễn Văn Pho**











